TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V
TỈNH THÁI NGUYÊN

Số: 54/2024/QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Vinh phúc

V, ngày 27 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 64/2024/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị La Thị V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi liên quan: Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thế Vinh, chức vụ: Phó Giám đốc.

Địa chỉ: Thị trấn Đ, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị La Thị V và anh Trương Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị V và anh Trương Văn H thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Trương Thanh N, sinh năm 2002 và Trương Văn D, sinh năm 2003 (hai con đều đủ 18 tuổi trở lên), các bên đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị V và anh H tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về công nợ chung: Chị V và anh H thỏa thuận, anh H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch huyện V 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất 7,92%/năm. Hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 11/10/2033 được Ngân hàng nhất trí với thoả thuận của các bên.

2.5. Về án phí: Chị V, anh H là dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên các đương sự được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- UBND xã T;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Sái Đức Trung